

“Thánh Mẫu cố trạch linh từ bi ký”: Linh hóa ký ức cộng đồng

ISSN: 2734-9195 11:10 13/07/2025

Tấm bia “Thánh Mẫu cố trạch linh từ bi ký”, lặng lẽ đứng nơi cổng phủ Vân Cát, là một chứng nhân bằng đá cho những niềm tin thiêng liêng, những kết nối cộng đồng và cả những văn hóa còn đang tiếp diễn.

1. Tấm văn bia nơi cổng phủ

Ẩn mình dưới vòm ngói rêu phong của Ngũ Vân Lâu – cổng chính dẫn vào Phủ Vân Cát, một trong những phủ thuộc khu di tích Phủ Dầy (xưa thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, từ ngày 1/7/2025 thuộc tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập) – là một tấm bia đá cũ kỹ nhưng đầy uy nghi, lặng lẽ chứng kiến biết bao đổi dời thế sự.

Tấm bia ấy không chỉ ghi lại một câu chuyện xây dựng, một bản lược sử kiến trúc hay một danh sách người công đức. Đó là một văn bản bằng đá mà chứa đựng trong đó những niềm tin tín ngưỡng dân gian, văn hóa địa phương, và cả biến động lịch sử.

Nằm trong quần thể di tích Phủ Dầy – Phủ Vân Cát là nơi được dân gian truyền tụng là chốn giáng sinh lần thứ hai của Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một trong Tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt. Và chính tại cổng phủ, tấm bia cổ với tên gọi trang trọng “*Thánh Mẫu cố trạch linh từ bi ký*”, được khắc dựng vào năm Thành Thái (Tân Sửu 1901), vẫn còn sừng sững tới hôm nay.

Trong văn hóa truyền thống Việt Nam, bia đá là dạng thức ghi nhớ mang tính lâu dài, vừa có vai trò sử liệu, vừa có chức năng thiêng liêng. Từ bia đá chùa Nhữm Dương, chùa Thầy cho đến các văn bia ở Văn Miếu hay các đình làng khắp Bắc Bộ, chúng ta thấy một mẫu thức quen thuộc: bia không chỉ “*ghi chép sự việc*”, mà là cách người xưa “*kết tinh hóa linh hồn*” của sự kiện, công đức, và tín niệm vào đá.



Phủ Vân Cát (Khu di tích Phủ Dầy, Ninh Bình). Ảnh sưu tầm.

2. Văn bia “*Thánh Mẫu cố trạch linh từ bi ký*”: Ghi chép, khẳng định và linh hóa ký ức cộng đồng

Nội dung văn bia: Ba tầng lớp ý nghĩa

Thứ nhất, văn bia ghi chép chi tiết quá trình trùng tu Phủ Vân Cát trong giai đoạn từ Kỷ Mão 1879 (Tự Đức) đến Tân Sửu 1901 (Thành Thái), phản ánh nỗ lực gìn giữ không gian thờ tự trong bối cảnh xã hội truyền thống đang chịu nhiều biến động. Những người có công được khắc ghi đầy đủ, như Trần Công Bản, Lê Quân Cơ (thường gọi là Lê Kỳ), cùng hàng trăm bá tính địa phương. Bia vì vậy là nơi ghi dấu tinh thần hiệp lực và tri ân trong tín ngưỡng dân gian.

Thứ hai, theo văn bia khẳng định Phủ Vân Cát là “*cố trạch*” (nhà cũ) – nơi Thánh Mẫu Liễu Hạnh giáng sinh lần thứ hai. Dòng chữ lớn ở đầu bia và phần nội dung chính đều nhất quán mô tả địa điểm này là chốn thiêng từng tiếp nhận linh khí giáng thế. Đây không chỉ là một khẳng định về mặt tín ngưỡng, mà còn mang tính định vị địa linh, làm nền tảng cho việc thiết lập không gian thờ tự và hành hương. Trong bối cảnh các trung tâm thờ Mẫu thường có nhiều huyền thoại song song, việc một văn bia chính thức, được lập bởi triều thần và nhân dân địa phương, khắc ghi “*giáng sinh cố trạch*” là một hành vi linh hóa ký ức tập thể, chuyển hóa truyền khẩu thành chứng tích.

Thứ ba, văn bia còn mang tính giáo dục đạo đức và củng cố truyền thống hiếu nghĩa – những giá trị cốt lõi trong văn hóa Việt. Lời văn khắc trên bia nhấn mạnh công đức của Thánh Mẫu với nhân dân, sự linh hiển ứng nghiệm, cũng

như lòng thành kính, tri ân của con cháu hậu thế. Điều này cho thấy rõ mối liên hệ giữa tín ngưỡng thờ Mẫu và tinh thần đạo hiếu trong Phật giáo – hai dòng chảy song song nuôi dưỡng tâm linh người Việt qua nhiều thế hệ.



Văn bia “Thánh Mẫu cố trạch linh từ bi ký”

Ngôn ngữ và hình thức của văn bia

Bia được khắc bằng chữ Hán theo lối văn biền ngẫu trang trọng, tuân thủ cấu trúc truyền thống: khởi – thừa – chuyển – hợp. Những từ như “*thần tích*”, “*linh hiển*”, “*giáng sinh*”, “*cố trạch*”, “*thánh ân*”, “*phúc trạch*”, v.v... cho thấy đây là một tác phẩm văn chương nghiêm cẩn, đồng thời phản ánh tư duy tôn vinh thiêng liêng của người xưa.

Tuy nhiên, bên cạnh ngôn ngữ văn chương, nội dung văn bia vẫn gần gũi với cảm thức dân gian: cụ thể, dễ hình dung, hướng tới cộng đồng. Không giống những bia tiến sĩ ở Văn Miếu – thường chỉ ghi danh cá nhân ưu tú – bia Phủ Vân Cát ghi danh tập thể bá tính có công đức.

Sự giao thoa giữa tính trang nghiêm và tính đại chúng này là một đặc điểm nổi bật của tín ngưỡng Tứ phủ nói chung và Phủ Vân Cát nói riêng.

Giá trị sử liệu - tâm linh - cộng đồng

Về mặt sử liệu, văn bia là một “*tư liệu đá*” ghi lại lịch sử hình thành, trùng tu và phát triển của Phủ Vân Cát – điều mà không một truyền thuyết truyền khẩu nào có thể bảo đảm độ chính xác. Nó cung cấp mốc thời gian cụ thể, nhân danh rõ ràng, từ đó giúp các nhà nghiên cứu văn hóa, kiến trúc và tín ngưỡng có cơ sở đối chiếu, thẩm định và hiểu sâu hơn về lịch sử địa phương.

Về mặt tâm linh, tấm bia là trung tâm thiêng liêng của khu vực Ngũ Vân Lâu – nơi người hành hương dừng lại chiêm bái, thắp nén hương đầu tiên trước khi bước vào chính điện. Bia trở thành vật linh – không chỉ để đọc, mà để “*kính*” và “*cảm*”.

Về mặt cộng đồng, việc ghi tên những người đóng góp công đức – từ chức sắc đến dân thường – là hành vi tôn vinh tinh thần cộng hưởng. Dưới góc nhìn Phật giáo ứng dụng, đây là biểu hiện của tâm bố thí, của sự thực hành công đức không phải chỉ với Thánh Mẫu mà còn với chính cộng đồng – những người cùng giữ gìn, thừa hưởng và tiếp nối truyền thống.



Phủ Vân Cát (Khu di tích Phủ Dầy, Ninh Bình). Ảnh sưu tầm.

3. Tranh cãi và đối thoại: Tấm bia trong dòng chảy hiện đại hóa và bảo tồn

Một tấm bia tưởng chừng như bất động giữa thời gian lại có thể trở thành tâm điểm của những chuyển động xã hội đầy phức tạp. Hơn một thế kỷ kể từ ngày được dựng, văn bia “*Thánh Mẫu cổ trạch linh từ bi ký*” không chỉ là chứng tích tín ngưỡng mà còn là một đối tượng của tranh luận, của giằng co giữa nhiều

diễn ngôn: tâm linh – lịch sử, bản địa – quốc gia, bảo tồn – biến đổi. Bia không chỉ ghi chép quá khứ, mà còn tham dự vào hiện tại một cách âm thầm mà sâu sắc.

Tranh cãi về “gốc tích”: Tín ngưỡng dân gian và nhu cầu khẳng định

Trong vài năm gần đây, một số ý kiến từ các dòng họ, đặc biệt là hậu duệ họ Trần Lê ở thôn Tiên Hương – nơi có Phủ Tiên Hương, vốn được coi là “*phủ chính*” – đã lên tiếng phản đối việc Phủ Vân Cát tự ý treo biển hiệu “*Phủ chính Vân Cát*” và công khai khẳng định nơi đây là “*nơi Thánh Mẫu giáng sinh*”, dựa trên văn bia năm 1901.

Câu hỏi đặt ra: Liệu tấm bia có giá trị quyết định cho việc xác lập “*nguồn gốc*” Mẫu Liễu Hạnh không? Hay đó chỉ là một biểu đạt tín ngưỡng mang tính địa phương, cần được hiểu trong bối cảnh tín ngưỡng dân gian đa trung tâm, đa truyền tích?

Từ góc nhìn văn hóa học, điều này phản ánh nhu cầu chính đáng của mỗi cộng đồng trong việc khẳng định bản sắc, giữ gìn ký ức và nâng cao vị thế không gian thiêng của mình. Tuy nhiên, khi nhu cầu đó va chạm với nhu cầu tương tự từ cộng đồng khác, việc đối thoại trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Trong khi đó, tấm bia – với sự xác quyết “*cố trạch*”, “*giáng sinh*”, cùng danh xưng “*linh từ*” – vẫn đứng yên, như một “*nhân vật trung gian*” giữa các dòng tranh luận, mang theo lời nói của quá khứ nhưng bị hiện tại diễn giải theo nhiều hướng khác nhau.



Vấn đề phục dựng sắc phong

Bên cạnh tranh luận về “*chính thống*” giữa các phủ, một vấn đề nổi cộm khác là việc Phủ Vân Cát phục dựng và trưng bày tới 18 đạo sắc phong được cho là “*sao bản*” – được viết tay trên giấy giả cổ, trình bày giống sắc phong thật – nhưng không có bản gốc đối chiếu, vi phạm quy định về quản lý di sản văn hóa.

Theo Cục Di sản Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), việc làm mới – phục chế sắc phong khi không có tư liệu gốc là không được phép, vì dễ gây ngộ nhận, làm sai lệch lịch sử và tiềm ẩn nguy cơ thương mại hóa di sản. Một hành động có thể bắt đầu từ lòng tôn kính, nếu không cẩn trọng, sẽ vô tình biến tín ngưỡng thành hình thức, thậm chí dẫn tới lạm dụng tâm linh.

Trong trường hợp này, văn bia lại một lần nữa trở thành điểm tựa để một số người viện dẫn rằng: “*Có văn bia thì có thể chứng minh sắc phong đã tồn tại*”. Tuy nhiên, cần phân biệt giữa “*văn bia*” – một loại tư liệu có tính chứng tích cộng đồng – và “*sắc phong*” – một văn kiện hành chính, pháp lý do triều đình ban hành. Sự nhập nhằng giữa hai loại hình này dẫn tới cách hiểu sai lệch và những hành động không đúng quy chuẩn bảo tồn.

Bảo tồn di sản là giữ nguyên hay làm sống lại?

Giữa làn sóng phục dựng, mở rộng, đặt biển tên và tái hiện nghi lễ tại các phủ thờ, đặc biệt trong mùa lễ hội, tấm bia cổ vô tình trở thành “*nhân vật trung tâm*” của một nghịch lý: chúng ta trân trọng quá khứ đến mức muốn nhân rộng nó, nhưng lại làm lệch nghĩa của quá khứ khi hiện tại diễn giải tùy tiện.

Câu hỏi lớn đặt ra là: Bảo tồn di sản có nghĩa là giữ nguyên hiện trạng – hay là làm cho nó sống lại trong lòng cộng đồng theo cách chân thực nhất?

4. Tấm bia – Ký ức đá và đối thoại sống

Tấm bia “*Thánh Mẫu cố trạch linh từ bi ký*”, lặng lẽ đứng nơi cổng phủ Vân Cát, là một chứng nhân bằng đá cho những niềm tin thiêng liêng, những kết nối cộng đồng và cả những văn hóa còn đang tiếp diễn. Hơn một thế kỷ đã trôi qua, văn bia ấy vẫn tham dự vào đời sống đương đại – nơi các câu hỏi về nguồn gốc, căn tính tín ngưỡng và phương pháp bảo tồn di sản luôn cần được đặt ra và đối thoại một cách nghiêm túc, tỉnh thức và liên ngành.

Trong dòng chảy văn hóa Việt, đặc biệt là các tín ngưỡng dân gian như thờ Mẫu, quá khứ không bao giờ là chuyện đã khép lại. Quá khứ sống cùng hiện tại, qua những lễ hội, câu văn hầu, bài khấn, và cả những tấm bia. Nhưng chính sự sống đó cũng đòi hỏi một thái độ ứng xử tương xứng: không tuyệt đối hóa, không thương mại hóa, không “*diễn nghĩa*” tùy tiện.

Từ góc nhìn Phật giáo ứng dụng, tấm bia là biểu tượng của niệm – khả năng ghi nhớ với chính niệm. Như Tỳ-kheo Anuruddha từng nói: “*Khi vị hành giả sống chính niệm và tỉnh giác (satimā sampajāno), trí thấy biết các pháp như chúng đang là (yathā-bhūta-ñāṇadassana) sẽ hiển lộ.*” (Kinh Tương Ưng, Samyutta Nikāya 54.13, bản Việt của HT. Thích Minh Châu, 1992) hay nói cách khác, tâm có niệm, tâm có tỉnh giác, thì thấy rõ sự vật như thật. Văn bia không chỉ lưu giữ điều được ghi lại, mà còn nhắc nhở người sau về tâm ý của người xưa: một tâm thành kính, hướng thiện, ghi nhớ công đức và tri ân cội nguồn. Nếu chúng ta đọc bia bằng tâm niệm ấy, thì việc bảo tồn sẽ không còn là chuyện “*giữ lại vật*”, mà là “*giữ lại tâm*”.

Vì thế, những cuộc đối thoại thực sự sống động giữa giới nghiên cứu, cơ quan quản lý văn hóa, cộng đồng tín đồ và người dân địa phương là điều vô cùng cần thiết. Mục đích của các cuộc gặp gỡ ấy không phải để phân định đúng – sai một cách tuyệt đối, mà để cùng nhau kiến tạo một cái nhìn đa chiều, bao dung và hướng thiện. Mỗi tấm bia đá tựa như một phần thân thể của ký ức cộng đồng: nếu ký ức ấy bị rạn vỡ bởi những tranh chấp, thì bản thân đá cũng không còn đủ vững chãi để nâng đỡ niềm tin.

Bia đá vẫn không ngừng đối thoại với thời gian, với con người, với bao thế hệ hành hương từng bước qua Ngũ Vân Lâu để dâng hương tưởng niệm Thánh Mẫu. Trong tĩnh lặng, tiếng vọng từ đá không nhằm khẳng định một vị thế, mà nhắc nhở chúng ta rằng: ngôi nhà tâm linh chỉ thực sự bền vững khi trong mỗi người vẫn còn rung động bởi lòng tri ân và cái thấy chân thực – tức là khả năng nhìn sâu vào bản chất sự việc, không bị che mờ bởi tranh chấp, thành kiến hay những dính mắc của cái tôi.

Trong ánh sáng của giáo lý Phật giáo, đó chính là chính kiến – cái thấy đúng như thật. Chỉ khi ta tiếp cận di sản bằng cái thấy ấy, ta mới có thể gìn giữ không chỉ hình hài của đá, mà còn bảo tồn được tinh thần sống động bên trong, ta mới thật sự hiểu và gìn giữ được linh hồn của di sản.

Tổng hợp: **Thái An**

Tham khảo:

Video phân tích chi tiết dịch nghĩa chữ khắc trên văn bia: Ts Nguyễn Xuân Diện
(Viện Nghiên cứu Hán Nôm)

<https://bvhttdl.gov.vn/>